

## PHẨM: BẤT TƯ NGHỊ

Năm phẩm sau đây tiếp sau phẩm Thăm Bệnh, tức là đoạn lớn thứ hai vào thất khời lại ý phẩm Thăm bệnh ở trước. Vì sao? Vì trước nói phẩm Thăm Bệnh là căn cứ bệnh quyền, luận về bệnh thật của quả mà nói nhân. Chỗ nói tóm tắt, hàng lợi căn như tám ngàn Thiên tử đã phát đạo tâm. Đám người chưa ngộ thì rộng luận bàn nhân quả để gợi lại nghĩa bệnh thật quyền ở trước, cho nên nó có sau. Năm phẩm này có hai:

A) Phẩm này chính là gợi lại phẩm Thăm Bệnh trước ước bệnh quyền nói về quả.

B) Từ phẩm Quán Chúng Sinh đến Hương Tích gồm bốn phẩm chính là gợi lại phẩm Thăm Bệnh trước, căn cứ bệnh thật mà nói cái nhân ủy dụ ba giáo và ba quán điều phục. Nay sơ lược dùng ba ý giải thích chung phẩm này:

1/ Nói ý có phẩm này.

2/ Lược giải thích bất tư nghị.

3/ Giải thích văn.

**1- Ý có phẩm này:** (Phẩm Bất tư nghị) Phẩm Thăm Bệnh nói bệnh có quyền thật. Bệnh quyền tức là pháp thân ứng dụng bốn tích đều có chỗ ở, cho nên ngài Tịnh Danh ở thất trống hiện bệnh mà nằm, biểu thị cho cõi, cho thân, cho bốn, cho tích. Ngài Văn-thù thấy tướng biết là có biểu thị, cho nên nhân đó đối đáp qua lại luận quyết về nghĩa y chánh của quả địa. Ý tuy sáng tỏ mà thù tích bất tư nghị. Nhưng cái dụng bệnh quyền y chánh khó lường còn chưa sáng tỏ. Cho nên nhân ngài Thân Tử sinh ý nghĩ về tòa ngời của Phật Đấng Vương mà trong thất nhỏ này chứa rất nhiều tòa lớn cũng không ngại gì, tức hiển bày việc thù tích bất tư nghị, chỗ ở của bệnh quyền thân dụng thật khó lường. Rộng luận về quả địa từ bản mà khởi tích, trong tích biến dụng y chánh tự tại. Rộng hiển bày lại về bệnh quyền, thù tích biến hiện, bệnh chúng sinh lành thì bệnh quyền cũng lành, cho nên có phẩm này.

**2- Lược giải thích bất tư nghị:** Có hai ý: 1) Nói ba đức giải thoát bất tư nghị. 2) Nói bốn tích nương cõi bất tư nghị.

Nói ba đức giải thoát, có ba:

a) Chân tánh.

b) Thật tuệ.

c) Phương tiện.

Nên ngài Tịnh Danh nói: Chư Phật, Bồ-tát có giải thoát gọi là bất tư nghị. Nếu Bồ-tát trụ ở giải thoát ấy, thì có thể đem núi Tu-di cao

rộng để trong một hạt cải, cho đến các thứ biến hiện khó lường, đó là nghĩa ba thứ giải thoát bất tư nghị. Vì sao? Vì Chư Phật, Bồ-tát có giải thoát tức là chân tánh. Nếu Bồ-tát trụ vào đó tức là thật tuệ. Hay đem núi Tu-di để trong hạt cải... tức là phương tiện. Chỉ có bốn giáo cùng nói lý ba thứ đều có nghĩa bất tư nghị, nhưng có hai thứ là đối đãi và tuyệt đối đãi. Như chỗ ba giáo nói tức là đối đãi. Vì sao? Vì ba giáo tuy ý lời người khác căn cứ việc đoạn kiết để nói giải thoát, tức là đối đãi. Còn Viên giáo thì tự ước vào việc không đoạn kiết mà nói giải thoát, tức là tuyệt đối đãi bất tư nghị. Đối đãi tức là có suy nghĩ và không suy nghĩ, đều là tư nghị. Còn tuyệt đối đãi là Không suy nghĩ, không suy nghĩ tức là chân bất tư nghị. Nay một phẩm này là dứt đối đãi không suy nghĩ để giải thích về bất tư nghị. Sở dĩ ba giáo thành việc đối đãi nhau. Như ở Tam tạng giáo thì Phật quả thân dụng biến hóa, thì phàm phu Nhị thừa và các Bồ-tát khó lường biết được, tức là bất tư nghị. Nếu đối Thông giáo đã thể nhập pháp giải thoát thì lại là tư nghị. Nếu Thông giáo từ Bát địa trở lên, đạo quán song lưu, thì Nhị thừa là hạ địa không thể lường biết được nên gọi là bất tư nghị. Nếu đối Phật địa cũng là tư nghị. Còn Thông đối với Biệt lại là tư nghị. Biệt giáo đấng địa thấy Nhất thật để được ba giải thoát, mà đối với ba thừa Thông giáo riêng ba mươi tâm không thể lường biết được tức là bất tư nghị, nếu đối Thượng địa thì lại là tư nghị. Ba thứ này đều là dưới không suy lường được trên, không phải là bất tư nghị ngang hàng tuyệt đối đãi. Nay nói tuyệt đối đãi bất tư nghị của Viên giáo, là mười hai nhân duyên, ba thứ phi đạo tức là ba đức giải thoát của Phật đạo. Nếu Bồ-tát hành trì mười hai nhân duyên ba thứ phi đạo này mà không đoạn ba hoặc, không phá ba pháp, lại trụ ở đạo ba thứ giải thoát, tức là ba đức giải thoát tuyệt đối đãi bất tư nghị vậy. Ấy là chẳng những địa dưới không thể tư nghị địa trên, cho đến Thượng địa chư Phật, Bồ-tát cũng không thể tư nghị địa dưới và tất cả nhân duyên ba đạo chúng sinh, tức là bất tư nghị tuyệt đối đãi. Cho nên Văn-thù trong Bát-nhã có nói: Phật giới, chúng sinh giới đều không thể nghĩ bàn, không có khác nhau. Trên đã giải thích xong tên Giải thoát bất khả tư nghị.

Nói về cõi nương tựa của bốn tích: Ở phẩm trước, thất trống biểu thị cho cõi nước. Ngài Văn-thù thấy tướng hỏi về Phật quốc thì chỉ nói Tịch quang rất ráo không tịch. Đây chỉ là pháp thân và cõi nước bất khả tư nghị mà chưa hiển bày ứng thân tích ở tướng bất tư nghị. Nay dùng thần lực xếp đặt tòa ngồi để nói tích ở cõi uế hiện việc bất tư nghị, cả núi Tu-di và biển lớn, đất nước lửa gió, mười phương cõi Phật đều tập

trung ở một cõi nước, chỉ bày cho mọi người những việc như thế đều là nương cõi nước hiện tướng bất tư nghị khó lường biết được, nói đây đủ trong văn. Nếu tích ở phần đoạn y báo là một khối lớn, còn hiện bày vô ngại, thì đối với ba cõi kia đâu thể lường biết được.

Hỏi: Cả mười bốn phẩm này đều bất tư nghị đâu được chỉ nêu riêng phẩm này?

Đáp: Tuy đều như thế, nhưng chỉ phẩm này nói rộng về sự biến dụng rất rõ ràng nên lấy đó đặt tên. Như ma-ha Bát-nhã trước sau đều nói Bát-nhã. Phật nói muốn cầu Bát-nhã thì cần phải tìm ở phẩm Tu-bồ-đề, mà Tu-bồ-đề đối với Phật như Thích Đề-hoàn Nhân, Xá-lợi-phất vấn nạn, một mực đều vào thật tướng Chân không, tức là Chánh ý Bát-nhã, nên khuyên phải tìm trong phẩm đó. Nay trong phẩm này cũng thế.

**3- Giải thích văn** “Nhĩ thời...” Phẩm này chung có sáu phần:

- 1) Ngài Thân Tử vì chúng nghĩ về tòa ngời.
- 2) Ngài Tịnh Danh mượn tòa.
- 3) Nói thần dụng bất tư nghị.
- 4) Ca-diếp mừng ngưỡng mộ.
- 5) Thời chúng được lợi.
- 6) Ngài Tịnh Danh kể thành.

Thân tử vì chúng nghĩ về tòa ngời. Có năm phần nhỏ: a) Ngài Thân Tử có ý nghĩ. b) Tịnh Danh hỏi. c) Thân Tử đáp. c) Tịnh Danh trách. d) Thiên tử được pháp nhãn tịnh.

\* Ngài Thân Tử có ý nghĩ: Ngài Thân Tử là bậc Cổ Thánh tích có ý nghĩ này là muốn mở bày nghĩa bất tư nghị. Nếu không có ý nghĩ ấy do đâu hiện bày dụng bất tư nghị lại muốn khiến hàng Nhị thừa chưa chứng quả được Pháp nhãn tịnh, hoặc những người phát đại tâm đã vào ngôi vị được thành sinh tô, cho nên hiển bày việc có ý nghĩ, nhân đó bị chê trách, để mượn tòa Đức Đăng Vương mà nói rộng đại dụng. Như thế các Thanh văn chê tiểu mộ đại, kham nghe được Đại phẩm, Pháp Hoa. Ước Sự, mà luận thì đại chúng đứng đã lâu mà hai Đại sĩ mới luận đại đạo, luận bàn chưa xong e đại chúng mỗi một không thấu nhận được pháp lợi. Nếu Như có giường ghế thì đều được an ổn tất sẽ thu nhận được lợi ích lớn, nên có nghĩa này. Cũng nhân thất vọng mà có ý nghĩ ấy. Nhân đây mà chê trách, dùng thần lực mượn tòa ngời liền được là nói rộng thần lực giải thoát bất tư nghị, đều là công năng tự tại thù tích bệnh quyền để lợi vật. Nếu có cơ hội tốt đẹp này dùng để hóa vật, tất trừ được bệnh thật nhân quả của chúng sinh, đâu lại chẳng nghĩ. Nếu

bệnh nhân quả chúng sinh lành thì bệnh thị hiện của Phật, Bồ-tát và ngài Tịnh Danh cũng đều lành. Ấy là đã thành được nghĩa quả địa bệnh quyền ở trước.

\* Hỏi ý nghĩ “Trưởng giả... sàng tòa da”. Ngài Thân Tử tuy nghĩ thế, nhưng chúng sinh đều chưa biết, sắp muốn chê trách nên hỏi ý nghĩ ấy: “Vì cầu pháp hay cầu ghế ngồi?” Nếu vì ghế ngồi thì không gọi là người tu hành. Nếu nói vì pháp thì không nên cầu ghế ngồi, nên cần phải gạn hỏi. Nếu ý nghĩ đã tỏ lộ đại chúng đều biết thì mới có thể chê trách.

\* Ngài Thân Tử đáp đúng ý nghĩ “Xá-lợi đều cầu Sàng tòa): Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì ghế ngồi. Vừa đáp câu này liền có ba lỗi:

- Tâm nghĩ ghế ngồi mà nói là vì pháp, là lỗi trái tâm mình.

- Nghĩ về các pháp Tam bảo, Tứ đế... trong pháp Thanh văn là lỗi không xứng lý.

- Chân pháp Không nghĩ nhớ mà nay lại nghĩ nhớ ấy là lỗi bỏ đạo pháp mà vào phàm phu.

\* Tịnh danh trách ba lỗi ấy “Duy-ma...”.

Một là Chê trách lỗi trái tâm. Phàm người cầu pháp Không tham tiếc thân mạng, há lại từ chối đứng lâu, không thấm được pháp vị do thân có mệt mỏi. Cho rằng chúng cũng thế, bèn nghĩ đến ghế ngồi... Cho đến gạn hỏi và đáp nói vì pháp. Nếu vì pháp thì không tiếc thân mạng, há được mệt mỏi mà nghĩ đến giường ghế?

Hai là, Trách lỗi không xứng lý “Phù cầu...”. Vừa nghe Đại thừa mà lòng không đắm nhiễm vẫn còn giữ pháp Tiểu thừa, đến nỗi biếng nhác nghĩ đến tòa ngồi, nên chê trách vẫn còn ôm giữ tiểu pháp. Văn có bốn:

\* Căn cứ ấm nhập tam giới mà chê trách.

\* Căn cứ Tam bảo mà chê trách.

\* Căn cứ chung Tứ đế mà chê trách.

\* Căn cứ riêng Tứ đế mà chê trách.

\* Căn cứ ấm nhập mà chê. Ngài Thân Tử nương Tam tạng giáo mà nhập đạo, ấm nhập là báo thân. Nhân đây tu thiền được phát tứ thiền tứ không là định cõi Dục. Trụ các thiền này mà quán sát ấm nhập ba cõi để lý sinh diệt mà đoạn kết ba cõi. Tuy đã thành A-la-hán quán khắp vô lậu và từ đây mà vào. Nay ngài Tịnh Danh dùng Đại thừa chê trách ngài là vụng về pháp tánh ấm nhập, không được tức không, không phải là pháp thật cầu, không tránh khỏi việc chiêu cảm cái chết thô

biến dịch. Lại có quán xuất nhập, khi xuất quán thì biếng lười nghĩ đến tòa ngồi.

Căn cứ Tam bảo mà chê “Tuy Xá-lợi-phất.. chúng cầu”. Sở dĩ phải ước Tam bảo mà chê, là hàng Thanh văn do nghe pháp hiểu ba không mà vào đạo, do Phật nói pháp mà được làm Tăng. Nếu chê trách người ấy lỗi, thì lỗi là do Phật pháp, chúng Tăng cũng bị lỗi, nên chê là Không nên chấp trước. Giáo Bất liễu nghĩa nói ba mươi hai tướng là Phật, chín Bộ là pháp, Yết-ma được gọi là sự Tăng, thấy Đế được quả là lý Tăng. Các pháp thật tướng Đại thừa vốn tự rõ ràng là Phật, lý tánh không điên đảo là pháp, trí lý không hai là Tăng. Lại biết pháp gọi là Phật, lìa tướng là pháp, vô vi là Tăng. Nếu không biết Tam bảo nhất thể này bèn đắm trước biệt tướng Tam bảo nên chê trách là Không nên chấp trước.

Căn cứ chung về Tứ đế mà trách “Phù cầu...”. Sở dĩ kể ước Tứ đế mà chê trách, là vì Thân Tử không thích. Nếu Tam bảo không thật không nên chấp trước thì quán đế thấy lý há không có Tam bảo, liền chê trách ông hành Tứ đế không rốt ráo. Vẫn có hai là chê và giải thích. Một, chê rằng: “Không thấy...”, đây là chê Tứ đế sinh diệt, nếu do đây mà thấy lý thì không nên cầu nữa, vì đó chỉ là trụ hóa thành chưa đến được bảo sở. Như trách ngài Tu-bồ-đề không hoại nơi thân mà tùy một tướng há lại tích quán khổ mà nói là thấy lý, không dứt dâm, nộ, si cũng chẳng chung cùng nó, há nhất định đoạn tập dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, há dứt hết phiền não cho là chứng diệt, như việc tạo tác ra hóa thành vậy. Có thầy nói hiểu biết rốt ráo, e là Không như giải thích trước. Không đoạn dứt si ái mà khởi minh thoát tức là hành phi đạo mà thấu suốt Phật đạo, há lìa phi đạo mà riêng có chánh đạo để tu? Nếu chấp Tứ đế của Thanh văn là thật tức là Không thấy ba Tứ đế của Đại thừa. Hai, giải thích rằng “Sở dĩ... phi cầu pháp”. Nếu chấp sinh diệt thì có tranh luận, tức là hữu vi hý luận nội giới. Nếu nhân đây thấy chân, đoạn ái kiến nội giới mà luận, thì cũng là vô vi hý luận ngoại giới. Nay Thân Tử tuy đoạn hữu vi, nhưng cũng còn ở Tứ đế, tức là vô vi giới duyên tập hý luận, không phải cầu pháp ba đế Đại thừa há lại thấy được Phật tánh, nhập vào vương Tam-muội và nhập vào tất cả Tam-muội.

Căn cứ riêng Tứ đế mà chê trách “Duy Xá-lợi-phất...”. Sở dĩ lại ước riêng mà chê trách, vì sợ Thân Tử chưa muốn. Nếu nói Tứ đế là hý luận, thì tại sao Phật mở cho là các thứ pháp môn lợi vật. Lại hiểu là chưa ngộ nên cần phải riêng chê trách. Có bốn:

- Một phen trách theo Khổ đế.

- Hai phen trách theo Tập đế.
- Bốn phen trách theo Diệt đế.
- Hai phen trách theo Đạo đế.

Ước trách khổ đế, pháp gọi là tịch diệt, thì khổ pháp như ấm... xưa tự không sinh, nay ắt không diệt tức nghĩa chân ấm diệt, quán ấm khổ pháp là thấy sinh diệt bèn bài bác sinh diệt, há thấy được Nhất thật đế lý vô sinh. Nếu không thấy lý thì không phải là cầu pháp. Như trách ngài Ca-chiên-diên không dùng tâm sinh diệt mà nói pháp thật tướng, đã không được chân vô sinh mà lại chiêu cảm cái khổ biến dịch.

- Hai phen riêng chê trách theo tập đế “pháp danh... phi cầu pháp”. Tập là do hai nhân báo và tập tạo nên. Tập nhân căn cứ phiền não, báo nhân căn cứ nghiệp. Phiền não và nghiệp hợp nhau hay chiêu quả khổ nên gọi là Tập đế. Trước trách tập nhân của Tập nói rằng: Pháp Không đấm nhiễm, là như Đại kinh có nói: Chín thứ ái hữu hay khiến sinh tử tiếp nối không dứt, nếu đấm nhiễm Thế đế liền có phần đoạn sinh tử gọi là Tập nội giới. Nếu nhiễm chân đế liền có biến dịch sinh tử gọi là Tập ngoại giới. Kế trách báo nhân rằng pháp Không hành xứ, là trách hành nghiệp. Trí năng quán là hành, cảnh sở quán là xứ. Nên kinh nói trí và trí xứ, tâm hành đối với cảnh tức là hành nghiệp. Phạm phu hành Thế đế thì chiêu cảm cái khổ quả nội. Hàng Nhị thừa hành chân đế thì chiêu cảm cái khổ biến dịch, tức là Tập vậy.

Bốn phen riêng trách theo Diệt đế “pháp vô... pháp giả”. Pháp Không có lấy bỏ là Thật đế chân diệt vốn không lấy bỏ. Mà phạm phu thì lấy Thế đế bỏ Niết-bàn, cho nên có sinh tử nội giới, không được chân diệt. Còn hàng Nhị thừa thì lấy chân đế bỏ Thế đế, tức chịu biến dịch sinh tử, cũng không phải chân diệt. Do lấy bỏ nên không thấy Trung đạo, không phải thật cầu pháp. Pháp Không xứ sở, đây là nói Diệt đế, tức là hữu dư, vô dư chỗ của người tu Nhị thừa quy tâm. Nếu đấm trước vào chỗ Diệt đế Niết-bàn, tức là có vô vi phiền não sinh tử, không phải chân diệt đế nên không phải là cầu pháp. Pháp gọi vô tướng, là trách chấp lấy diệt đế vô tướng Niết-bàn. Vì sao? Vì phạm phu chấp tướng thế gian sinh ở sáu thức, cho nên có nội giới sinh tử, mà không gọi là diệt. Còn Thanh văn chấp tướng Diệt đế, tức có bảy thức gọi là tùy tướng sinh thức, liền có ngoại giới sinh tử không phải chân diệt đế, nên không phải là cầu pháp. Pháp Không thể trụ, là chê trách trụ ở diệt đế. Vì sao? Vì phạm phu trụ ở phần đoạn không phải diệt. Còn ở hàng Nhị thừa trụ ở chân tức có biến dịch, đâu được là chân diệt. Vì trụ ở chân đế hữu dư, vô dư, không thấy được Phật tánh, không phải là Đại Niết-bàn

rốt ráo tịch diệt, sao phải là thật cầu pháp.

Hai phen riêng trách theo Đạo đế “pháp Không... pháp”. Pháp Không thể thấy nghe hay biết. Phạm phu có thấy nghe hay biết thế tục ắt có kiến tư, do đó mà lưu chuyển và đều là lậu đạo. Tiểu thừa có tuệ nhãn thấy chân, từ nghe pháp mà sinh hiểu, mười sáu tâm ngộ lý tức là giác tri, nên Đại kinh nói: Bạc Tu-đà-hoàn dùng đạo chánh giác đoạn trừ phiền não, cũng gọi là Phật. Nhất thiết trí biết tức là tri, cho nên đối với thấy Đế nói nhãn, trí nói giác. Đây là thấy nghe giác tri, không thấy Nhất thật đế lý, không phải là cầu kiến tư vô lậu Đại thừa, há là thật cầu pháp. Pháp gọi là vô vi, Tiểu thừa thì Diệt đế là vô vi, Đạo đế là hữu vi, còn vô lậu Đại thừa thì đạo diệt đều là vô vi. Nên Đại kinh có nói: “Đệ tử Thanh văn là hữu vi Tăng.” Trên có trách ngài La Vân rằng: “Nói lợi công đức hữu vi không phải là xuất gia vô vi” là ý ở đây vậy.

Ba là, Kết trách Thân Tử lỗi dấy niệm “Thị cố... sở cầu”. Do nghĩ cầu pháp đến mỗi mệt mà nghĩ đến giường tòa. Nếu thật cầu pháp thì không nghĩ không cầu, đợi nước lắng trong thì châu liền tự hiện. Ấy là chân cầu không có biếng lười mỗi mệt há là nghĩ đến giường tòa.

\* Nói Thiên tử được Pháp nhãn tịnh “Thuyết thị... Nhãn tịnh”. Pháp nhãn tịnh, có thầy nói là pháp nhãn Đại thừa. Nay xét văn này tuy không cốt ý so sánh văn trên nhưng e cũng là Pháp nhãn tịnh Tiểu thừa. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh có hàm ý nhập chân Thông giáo Đại thừa mong cho hàng Tiểu thừa nghe xảo độ này tức là Pháp nhãn tịnh. Lại xưa phân biệt suy tìm đạo lý pháp tướng, vì nước tâm nổi sóng nên không thấy lý. Nay nghe nói “Không chỗ cầu” mà tâm mong cầu lặng dứt, nước tâm lắng trong thì bỗng nhiên thấy lý. Như A-nan suốt đêm thiền quán muốn dứt các kết còn sót nhưng không thể hết, khi định đi ngủ thì bỗng nhiên phát chân, lậu ba cõi dứt hết. Đây cũng thế.

Tịnh danh dùng thần lực mượn tòa: “Nhĩ thời...”. Trên trách ngài Thân Tử chỉ cầu ghế ngồi chứ không phải cầu pháp. Nhân đây mà nói pháp các Thiên nhân đều được đạo, nhưng chưa hiển hiện thần lực Bất tư nghị. Nếu không bày tòa thì như kẻ nghèo không tiền bạc không có sắm sửa để chê trách tân khách. Nay dùng thần lực mượn tòa đáp lại ý nghĩ của ngài Thân Tử, xem là nguyên do nói giải thoát bất tư nghị. Văn có sáu:

- a) Hỏi ngài Văn-thù có chỗ ngồi tốt đẹp chăng.
- b) Ngài Văn-thù đáp chỗ ngồi.
- c) Hiện thần lực mượn tòa ngồi.
- d) Đức Đăng Vương gọi tòa.

e) Đại chúng mừng đón.

f) Ngài Tịnh Danh khiến chúng đến tòa.

Hỏi chỗ tòa, muốn hiện bày thần lực bất tư nghị đặt tòa ngời, ắt cần phải vừa ý tân khách. Sở dĩ trước hỏi chỗ tòa thắng diệu, ước lý mà hiểu thì ngài Văn-thù ứng dụng cơ nào, ngài Tịnh Danh đậu cơ ấy tất sẽ xứng hội, thế nên trước hỏi.

Ngài Văn-thù đáp “Văn-thù... đệ nhất”, biết có diệu tòa xứng hợp cơ nghi của đại chúng, nên chỉ rõ thế giới Tu-di có tòa đẹp đẽ, Đức Phật đó có thân cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, biểu thị cho tám vạn bốn ngàn pháp Ba-la-mật đã tạo nên pháp thân hoàn hảo. Tòa ấy cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, biểu thị cho tám vạn bốn ngàn cảnh Chân không vô úy.

Chính nói thần lực mượn tòa “U thị... thần lực”. Nếu căn cứ vào văn sau sai hóa Bồ-tát đến nước Hương Tích xin cơm. Nay văn này không thấy việc biến hóa, tức là Đại sĩ đã thông linh ngầm cảm, do đó đức Phật kia theo tâm ý nghĩ mà gọi tòa đến hoặc có thể các nhà làm kinh đã lược bỏ.

Đức Phật gọi tòa đến “Tức thời... Duy-ma-cật thất”. Đức Phật ấy gọi ba mươi hai ngàn tòa đến và phương trượng tiểu thất của ngài Duy-ma chứa đủ không chật chội. Vì trụ ở thần lực Bất tư nghị nên được như thế. Tức là biểu thị quả báo vô ngại đối với cõi nước y báo.

Hỏi: Thần lực do đâu mà nhanh thế?

Đáp: Linh Quỷ Chí có nói: “Chôn ngàn năm có thể đem xe mà chui vào gò mã, mã không thủng lỗ mà xe vẫn không hư”, yêu nhỏ còn thế huống là thần lực của Bồ-tát bất tư nghị.

Đại chúng đón mừng “Chư Bồ-tát... như cố”. Bao nhiêu tòa lớn để trong tiểu thất đó rốt cuộc không chật chội, hình dạng thành Tỳ-da-ly cũng không thay đổi, từ xưa nay chưa từng thấy nên đều khen ngợi.

Mời lên ngời “Nhĩ thời...”. Văn có ba: Một là, Văn-thù... cùng đến ngời. Các Bồ-tát có thần thông đều theo tòa mà ngời. Ba là, Các Bồ-tát mới phát tâm đều không thể lên ngời được.

Mời lên tòa ngời, bảo tự biến thân cao lớn giống tòa ấy, tức tự khiến hai, Đấng ngời mà ngời “Kỳ đặc... sư tử tòa”. Các Bồ-tát có thần thông đều là thân bốn vạn hai ngàn do-tuần. Trên nói thân Phật đầy đủ tám vạn bốn ngàn do-tuần. Nay Bồ-tát ở nhân nhường quả nên giảm còn phân nửa.

“Các Bồ-tát mới phát tâm...) là nói những Bồ-tát mới phát tâm và các đệ tử Thanh văn... đều không thể lên ngời. Văn có năm: Một



là, Những người mới phát tâm đều không thể lên ngôi. Hai là, Nói ngài Thân Tử đến tòa. Ba là, Ngài Thân Tử từ chối không thể lên được. Bốn là, Khiến đánh lễ Đức Đấng Vương. Năm là, Các người mới phát tâm đều đánh lễ mới lên ngôi được.

\* Phần đầu theo văn mà biết.

\* “Nhĩ thời... Sư tử tòa” nói ngài Thân Tử đến tòa. Từ trước nay nghĩ cần có tòa ngôi nay đã bày tòa sao không như các Bồ-tát kia đến ngôi.

\* “Xá-lợi-phất... không thể lên ngôi” là nói ngài Thân Tử từ chối vì không thể lên ngôi. Tòa này cao rộng, kinh Pháp Hoa nói: Các pháp Không làm tòa. Lý không sâu rộng tức là sự cao rộng. Ngài Thân Tử và các đệ tử mới phát tâm đều chưa vào Phật tuệ, không được thần thông Bất tư nghị, sao được đồng các Đại Bồ-tát mà lên, cho nên tuy thấy tòa này mà không thể lên ngôi. Như người thấy trò ảo thuật hóa một hay nhiều việc mà mình không làm được. Thân Tử... cũng thế. Tuy thấy trong thất các việc rộng lớn như thế mà không có thần lực này nên không thể lên ngôi. Sở dĩ người mới phát tâm không thể lên ngôi, là vì hàng phục kiết ngữ thông của Tam tạng giáo không phải bậc Lưu tậ, không bằng Nhị thừa sao có thể lên ngôi. Hàng Lục địa của Thông giáo đoạn kiết cùng A-la-hán ngang nhau, được Lục thông nội giới. Nếu xem về Viên giáo cũng còn là La-hán mới phát tâm, cũng chưa thể lên ngôi, hàng Lục địa sao có thể ngôi. Riêng ba mươi tâm của Biệt giáo tuy được năm thông ngoại giới, cũng gọi là mới phát tâm, chưa vào Sơ địa của giải thoát bất tư nghị, sao có thể lên ngôi. Hàng Thập tín của Viên giáo tuy đã tịnh sáu căn, cũng gọi là mới phát tâm, chưa vào sơ trụ chân ứng hai thân, sao có thể lên ngôi.

\* Khuyên đánh lễ “Duy-ma-cật... bèn có thể đến ngôi”. Sở dĩ phải đánh lễ, là vì Thân Tử và các đại đệ tử chưa vào đại đạo. Người mới phát tâm... tuy là Bồ-tát nhưng chưa trụ giải thoát Bất tư nghị, không được sức tự tại nên không thể lên ngôi. Nếu đánh lễ Đức Phật ấy, nhờ thần lực Phật mới có thể lên ngôi. Lại giải Tiểu thừa quy hướng Như Lai, tức là hồi tâm hướng về Đại thừa. Biểu thị đến thời Pháp Hoa sẽ được an trụ vào thật trí, được thọ ký làm Phật, cho nên được lên ngôi. Các người mới phát tâm nghe lời nói bất tư nghị này, tâm liền ngộ giải. Hoặc đến thời Đại phẩm thì được vào. Nếu đến thời Pháp Hoa mới nghe chánh trực xả phương tiện đều có nghĩa nhập, nên được lên ngôi.

\* “Do đó... tòa sư tử) là những người mới phát tâm nghe lời khuyên đánh lễ mà được lên tòa, là do nhờ thần lực của Đức Phật ấy. Cũng là

biểu thị xa về sắp xếp hợp lý không của Đại thừa nên được lên tòa.

Phần ba, Chính nói ngài Tịnh Danh nói lực dụng giải thoát bất tư nghị. “Xá-lợi-phất...” Văn có hai: \* Ngài Thân Tử thấy thần dụng bất tư nghị này khen là chưa từng có. Hai là Ngài Tịnh Danh đáp lời nói rộng chư Phật, Bồ-tát trụ vào quả vị giải thoát bất tư nghị, có thần dụng lớn.

\* Ngài Thân Tử thấy thần lực này về các tòa cao rộng, nếu đặt một Tòa cao rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần thì cõi Diêm-phù này không đủ chứa. Vì sao? Vì đất cõi Diêm-phù-đề chỉ dài có bảy ngàn do-tuần đâu thể chứa được một tòa này, huống là ba mươi hai tòa cùng vào một tiểu thất, mà y chánh của thành Tỳ-da-ly trong cõi Diêm-phù đều không hư hại, cũng không chặt chội, thật khó lường. Thế nên ngài Thân Tử mừng khen.

Hỏi: Nhà nhỏ sao chứa được các tòa lớn?

Đáp: Thế để có hai, tư nghị thì nhỏ không chứa được lớn. Bất tư nghị thì nhỏ ắt chứa được lớn, như cả cảnh tượng lớn vẫn hiện đủ trong mặt gương một thước.

\* “Duy-ma-cật nói...” là chính căn cứ quả địa giải thoát ba đức bất tư nghị mà đáp. Sở dĩ ước quả mà đáp, là vì ngài Thân Tử thấy việc này khen là chưa từng có mà không suy biết là những pháp môn nào. Thời chúng chưa trụ vào Giải thoát này cũng không biết như thế. Cho nên ngài Tịnh Danh hiển bày chư Phật được thứ giải thoát này mà đáp là Bồ-tát trụ vào Giải thoát này tức hay có đại thần dụng. Nay ngài Tịnh Danh là Đại Bồ-tát trụ vào Giải thoát này, nên hiện ra sự việc như thế. Văn có ba: Một là, Nói Phật, Bồ-tát hiển bày thể bất tư nghị. Hai là, Nói Bồ-tát trụ vào trí bất tư nghị. Ba là, Nói đại dụng bất tư nghị.

Đây là chính nói ba đức giải thoát, hiển bày cái dụng của quả địa pháp thân đại bi bệnh quyền trong phẩm Thăm bệnh ở trên. Vì sao? Vì trên chỉ hiện một nhà trống để một cái giường để người bệnh nằm. Nay lại hiển bày việc này là cốt nói chư Phật, Bồ-tát có giải thoát, tức hiển sáng chân tánh. Trên chỉ đặt một cái giường là biểu thị cho chân tánh này vậy. Bồ-tát trụ vào Giải thoát này. Đây là thật tuệ cùng chân tánh tương ứng nhau mà nhập lý Bát-nhã gọi là trụ. Trụ là yên tịnh dứt nghĩ. Thật tuệ thấy lý nghĩ làm phương tiện. Trên hiện nằm ngủ là biểu thị việc này. Có thể đem núi Tu-di cao rộng để trong một hạt cải nhỏ bé, tức là phương tiện. Trên không bệnh hiện có bệnh, chính là biểu thị việc này. Sở dĩ ngài Tịnh Danh hiển bày lại ba đức giải thoát, là trên tuy nói về bệnh quyền chính vì lợi vật, nhưng chưa nói về vô lượng phương tiện Bất tư nghị để ích vật. Thời chúng sao biết được việc tích

xứ bệnh quyền lợi vật biên không ở mười phương. Nay nhân mượn tòa vào thất làm chứng cho việc tích xứ bệnh quyền có cái dụng lợi vật bất tư nghị này. Trước nói chư Phật, Bồ-tát có giải thoát hiển bày chân tánh, là chân tánh cùng chúng sinh cùng có. Vì như Phật, Bồ-tát hay được lý này, nên có được đại dụng. Như được châu Như ý thì ắt có mưa báu. Hai, nói trụ trí Bất tư nghị “nếu Bồ-tát trụ ở giải thoát này) tức là thật tuệ. Vì được thật tuệ thì có thể dùng bất trụ pháp mà trụ vào chân tánh này. Tạng Thông không nói lý này, nên Bồ-tát không trụ. Về Biệt, Viên địa trụ trở lên thì luôn trụ ở lý này tức có đại dụng. Như châu Như ý tự nhiên hiện ra vật. Nay ngài Tịnh Danh hậu tâm trụ ở lý có công dụng không ai sánh được.

Về đại dụng bất tư nghị “Đem núi Tu-di...”. Tức là thật tuệ cùng chân tánh hợp nhau mà có được sự khó suy lường này. Đại luận nói nước bạc hòa cùng vàng ròng đem tô đắp các tượng. Công đức hòa cùng pháp thân, nơi nơi đều hiện đến. Văn có hai: nói tắt riêng về dụng bất tư nghị và nói rộng chung nói dụng bất tư nghị.

- Tóm tắt riêng nói: Văn nêu ra tám cặp đối nhau. Cặp đầu là núi biển đối nhau cũng là y chánh báo đối nhau. Đem núi Tu-di... Người được giải thoát Bất tư nghị bèn nương y báo mà được tự tại. Việc này không dễ. Có Sư nói do thần lực mà được như thế. Nay cho rằng đó là tánh bất tư nghị, không phải do thần lực của Phật hay trời, người, Tu-la nào có thể làm được. Có sư nói: Nhỏ không tương nhỏ, lớn không tương lớn nên được vào. Nay bảo nhỏ là nhỏ, lớn là lớn là tự tánh. Nhỏ lớn không được vào nhau, tức là nhỏ lớn lớn nhỏ, đã là tha tánh thì sao được vào. Nay hiểu theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Một hạt vi trần có đại thiên kinh quyển.” Quán chúng sinh một niệm tâm vô minh tức là tâm Như Lai. Nếu thấy được tâm này thì có thể đem núi Tu-di để vào hạt cải, nào có ngại gì? Các việc bất tư nghị sau này đều cùng kiếp nói cũng không hết, đều là ý này. Nên văn nói: Giải thoát của chư Phật phải tìm ở tâm hạnh chúng sinh, nếu quán tâm hạnh chúng sinh thì được giải thoát của Phật. Trụ vào Giải thoát này thì có thể hiện được các việc bất tư nghị như thế. Vì sao? Vì các phương tiện giáo có nói: Hàng Nhị thừa giải thoát thiên chân là giải thoát tư nghị, như được chất pha lê mà không được mưa báu. Viên giáo Trung đạo thì chân tánh viên chân, tức là giải thoát bất tư nghị. Như được châu Như ý mưa báu đại thiên. Thấy chân tánh tâm hạnh chúng sinh, tức được chân tánh của hạt cải và núi Tu-di nhất như không hai. Nếu được cái nhỏ của chân tánh hạt cải hay dung chứa cái lớn của núi Tu-di thì được cái lớn của chân tánh núi Tu-di thì không

ngại gì cái nhỏ của hạt cải. Nêu một ý này có thể suy các ý khác.

Nói chúng sinh ở trong ấy... chúng sinh đã không thấy cái chân tánh nhỏ lớn thì đâu biết được cái cơ được độ, nhờ thần lực gia hộ mà thấy được việc đó. Nếu hay quán chân tánh này mà vào quán hạnh tương tự. Nhân đây tất được Diệt độ của Như Lai. Cho nên nói bèn có thể thấy. Nên kinh Pháp Hoa nói sáu căn thanh tịnh chỉ riêng mình thấy rõ ràng, người khác không thấy được. Lại đem cả nước bốn biển lớn đổ vào một lỗ chân lông. Biển đối với núi Tu-di vào một lỗ chân lông, là chánh báo tự tại. Nếu gặp nước biển chân tánh tức là chân tánh một sợi lông, tức hay đem nước biển đổ vào một sợi lông, đối với thân chánh báo không ngại gì.

Cặp thứ hai là ném thế giới, đi lại đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... bốn tướng như cũ”. Nếu Bồ-tát trụ vào chân tánh thế gian tức có thể làm như thế.

Cặp thứ ba là dài ngắn đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... bảy ngày”. Nếu Bồ-tát trụ ở chân tánh thời tiết thì có thể như trong một niệm mà rộng thấy việc ba đời như thế. Nếu nói là ngắn thì thấy việc ba đời, nếu nói là dài thì chỉ một niệm chiêm bao.

Cặp thứ tư là kia đây đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... bốn xứ”.

Cặp thứ năm là có quốc độ đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... kiến chi”

Cặp thứ sáu là gió, lửa đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... vi hại”

Cặp thứ bảy là trên, dưới đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... sơ nhiều” nhưng kinh lược bỏ không đem trên đặt dưới, nghĩa suy ra ắt có.

Cặp thứ tám là thân và tiếng đối nhau “Hựu Xá-lợi-phát... đắc văn”. Các việc trên đều nên căn cứ theo núi và biển. Trụ vào chân tánh thì được như thế. Vì bệnh quyền biến hiện để lợi vật, thật khó lường, những ai thấy nghe thì đều được độ.

- Nói rộng kết chung Về đại dụng bất tư nghị vô lượng, “Xá-lợi-phát... bất tận”. nếu trụ vào chân tánh tức các pháp tánh. Pháp tánh thì vô lượng, biên không, ắt có đại dụng bất tư nghị cũng vô lượng, biên không, há có thể cùng kiếp mà nói hết được sao. Tức là thù tích bệnh quyền ở ba cõi lợi vật và hư không bằng nhau. Hiện bày quả địa đại bi bệnh quyền nghĩa đã khá rõ.

Ngài Đại Ca-diếp khen ngợi “Nhĩ thời..”. Văn có hai:

a) Tự khen ngợi.

b) Bảo ngài Xá-lợi-phát là việc đáng khen.

a) Tự khen: Ngài Ca-diếp nghe nói về dụng khó thể suy lường,

việc chứng của hàng Nhị thừa không như việc này. Từ xưa nay chưa nghe nên khen là chưa từng có.

Nói với ngài Xá-lợi-phất là việc đáng phục “vị Xá-lợi-phất...”. Lại có bốn: Một là, Hàng Tiểu thừa nghe nói không hiểu được. Hai là, Khuyên người trí phát tâm. Ba là, Tự trách Thanh văn không có phần. Bốn là, Mừng Bồ-tát được lợi.

- Hàng Tiểu thừa không hiểu: Vì hàng Tiểu thừa không có ba căn vô lậu Đại thừa, tuy nghe vẫn không hiểu. Ngài Ca-diếp tự đặt thí dụ mù để làm sáng tỏ nghĩa này. Tức có hai: Khai dụ và hợp dụ. Đối trước kẻ mù hiện bày hình sắc, người mù tuy không thấy nhưng không phải Không nghe sắc. Đây là thí dụ hàng Nhị thừa không có ba căn vô lậu Đại thừa. Nghe nói về thần lực, nhưng đã không thấy lý thì không biết được thần dụng ý thú do đâu mà có. Như người mù không thấy sắc, tuy nghe người khác nói mà không biết nhân đâu mà có. Nên nói không thể hiểu là như thế. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa tuy được tuệ nhãn để thủ chứng nên căn Pháp nhãn hư hoại. Tuy lại nghe nói nhưng không thể phát ra thức để thấy được việc ấy. Như người mù ở đời vì căn nhục nhãn hư hoại, tuy đứng trước các màu sắc nhưng không thể phát ra thức thấy được.

- Khuyên người trí phát tâm “trí giả Tam-bồ-đề tâm...”, trừ hàng Nhị thừa chánh vị, còn người có trí của năm thừa kia đều có thể phát tâm học pháp môn này.

- Ca-diếp tự trách hàng Thanh văn không có phần “ngã đẳng... thế giới”. Vì tất cả Thanh văn đã mất hẳn căn, là hạt giống không nảy mầm. Nghe nói lời ấy đều gào khóc tiếng vang động đại thiên, không gây nhân ở ba cõi, đối đại thiên thế giới thì mất hẳn việc này, nên thấm thương tự trách. Ngài Ca-diếp ở đây trách các chánh vị khiến thành sinh tô, khi vào Đại phẩm thì thành thực tô, đến Pháp Hoa thì thành đề hồ.

Bốn, Ca-diếp mừng các Bồ-tát “Nhất thiết trí...”. Có hai:

\* Mừng khuyên lãnh thọ, như văn kinh.

\* Được chân pháp này, Đại sĩ trụ trong pháp môn này liền biết ma huỷ. Nên nói Bồ-tát tin hiểu pháp môn, thì tất cả chúng ma không làm gì được.

Phần năm, Thời chúng được lợi ích “Đại Ca-diếp... Tam Bồ-đề tâm” hàng Thiên nhân được lợi ích, chính là do nghe nói độ dụng bất tư nghị này, cũng là ngài Ca-diếp tự khen khuyên nên đều phát tâm.

Phần sáu, Kể thành việc ngài Đại Ca-diếp “Nhĩ thời...”. Ở trên ngài Đại Ca-diếp nói: Pháp môn này ma không thể phá hoại. Nay thuật

thành ý này có hai: Một là, Nói ma không thể phá hoại. Hai là, Nói trụ vào Bất khả tư nghị thì Bồ-tát hay thành tựu được người tu hành.

Một, Ma không thể phá hoại. Tất cả chúng ma không thể phá hoại, là phàm làm ma vương phần nhiều đều trụ ở pháp môn này để khích động các người mới học phương tiện Bồ-tát và những kẻ mới học tu Viên đạo. Nếu là chân đạo thì như bình báu kim cương không thể phá. Cũng như heo cọ cột vàng thì cột càng sáng bóng, như ma đến thì lại tăng thêm phước trí.

Hai, Nói Bồ-tát trụ vào bất tư nghị hay thành tựu người tu “Hựu Ca-diếp... chi môn”. Các người học Phương tiện và người sơ học Viên giáo hành trì lục độ bố thí... hay trụ vào bất tư nghị thì các Bồ-tát thường đến thử thách, khiến họ càng bền chắc. Như kinh Pháp Hoa nói Thích-ca nhân địa luôn nhờ Điều-đạt giúp thành. Nếu hàng Tiểu Bồ-tát thì không thể như thế được. Tức dùng thí dụ mà hiển bày. Khai dụ hợp dụ xem văn có thể hiểu.

